

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I TOÁN 7

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Chọn khẳng định đúng

- A. $\frac{-3}{2} \in \mathbb{Q}$. B. $\frac{3}{2} \in \mathbb{Z}$. C. $\sqrt{5} \in \mathbb{Q}$. D. $-6 \in \mathbb{N}$.

Câu 2: Giá trị của biểu thức $3^5 \cdot \frac{1}{27}$ là

- A. 1. B. 9. C. 9^2 . D. 9^4 .

Câu 2. Căn bậc hai số học của 81 là

- A. $\frac{1}{81}$. B. $\frac{-1}{81}$. C. -9. D. 9.

Câu 3. Kết quả của phép tính $4^3 \cdot 4^2$ là:

- A. 4^6 B. 4^1 C. 4^5 D. 16^6

Câu 4. Số nào trong các số dưới đây viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn

- A. $\frac{-7}{15}$. B. $\frac{-7}{24}$. C. $\frac{-5}{32}$. D. $\frac{12}{45}$.

Câu 5. Giá trị của đẳng thức $\sqrt{2+3+4+3+4}$

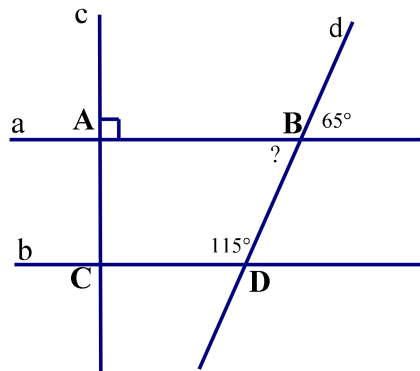
- A. 16. B. -16. C. 4. D. -4.

Câu 6. Cho ba đường thẳng phân biệt a, b, c biết $a \perp c$ và $c \perp b$. Kết luận nào đúng?

- A. $a // b$. B. $c // b$. C. $c \perp b$. D. $c // a$.

Câu 7. Cho hình vẽ số đo góc “?” ở hình vẽ là

- A. 130° .
B. 65° .
C. 90° .
D. 50° .



Câu 8. Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng, có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng đó?

- A. Không có. B. Có vô số. C. Có ít nhất một. D. Chỉ có một.

Câu 9. Giá trị tuyệt đối của -7,5 là

- A. 8. B. -7,5. C. 7,5. D. -8.

Câu 10: Số nào sau đây là số thập phân vô hạn tuần hoàn:

- A. 3,123... B. 3,123 C. 3,(123) D. 3,133

Câu 11: Kết quả làm tròn số 0,999 đến chữ số thập phân thứ hai là:

- A. 0,10 B. 0,910 C. 0,99 D. 1,00

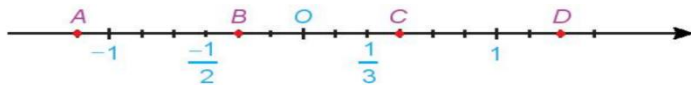
Câu 12. Căn bậc hai số học của 16 bằng:

- A) 16; B) -16; C) 4; D) -4.

Câu 13. Nếu $a \geq 0$ thì $\sqrt{a^2}$ bằng:

- A) $-a$; B) a^2 ; C) a ; D) $\sqrt{a}$.

Câu 14: Quan sát trục số sau. Khẳng định nào sau đây đúng?



- A. Điểm A biểu diễn số hữu tỉ $-\frac{3}{2}$. B. Điểm B biểu diễn số hữu tỉ $-\frac{2}{3}$.
C. Điểm C biểu diễn số hữu tỉ $\frac{1}{2}$. D. Điểm D biểu diễn số hữu tỉ $\frac{7}{3}$.

PHẦN II. TỰ LUẬN

Dạng 1 : Thực hiện phép tính

a) $\frac{-3}{4} + \frac{11}{12}$

b) $\frac{-8}{3} \cdot \frac{2}{11} - \frac{8}{3} : \frac{11}{9}$

c) $0,1 \cdot \sqrt{9} + 0,2 \cdot \sqrt{16}$

d) $\left(\frac{-1}{3}\right)^2 - \frac{3}{8} : (0,5)^3 + 1234^0$

e) $4^3 + 5 \cdot \left(\frac{1}{2025}\right)^0 - 2 + (-2)^2 : \frac{1}{3} - 7$

f) $5^6 : 5^4 - (0,5)^4 \cdot 2^4$

f) $\sqrt{49} + \sqrt{81} - 5\sqrt{4}$

g) $\frac{11}{29} + \frac{8}{41} - \frac{40}{29} + \frac{33}{41} + 0,5$

Dạng 2: Tìm x , biết:

a) $x - \frac{5}{3} = \frac{7}{3}$

b) $|x - 2| = 5$

c) $\sqrt{x - 1} = 6$

d) $\frac{7}{4}x + \frac{3}{2} = \frac{4}{5}$

Dạng 3: Bài tập khác:

Bài 1. Trong các số sau: $\frac{3}{5}; -1,25; 0; \sqrt{3}; 5,6(3); 13,23014...$ Số nào là số hữu tỉ? Số nào là số vô tỉ?

Bài 2 Giá niêm yết của một chiếc ti vi ở cửa hàng là 20 000 000 đồng. Cửa hàng giảm lần thứ nhất 5% giá niêm yết của chiếc ti vi đó. Để nhanh chóng bán hết số lượng ti vi, cửa hàng giảm thêm 2% giá của chiếc ti vi sau lần giảm thứ nhất. Hỏi khách hàng phải trả bao nhiêu cho chiếc ti vi đó sau 2 lần giảm giá?

Bài 3. Một cửa hàng giảm giá 8% cho tất cả các sản phẩm, đồng thời trích 5% số tiền khách trả sau khi giảm để ủng hộ người nghèo.

a) Bạn Mai mua một chiếc áo khoác có giá niêm yết là 300 000 đồng.

Hỏi bạn Mai phải trả bao nhiêu tiền cho chiếc áo đó?

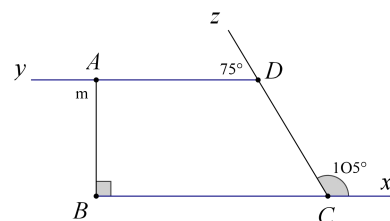
b) Tính số tiền mà cửa hàng trích ủng hộ từ số tiền bạn Mai đã trả.

Dạng 4: Hình học

1. Cho hình vẽ

a. Nêu tên các cặp góc so le trong, các cặp góc đồng vị.

b. Tính $\widehat{ADC}$, có nhận xét gì về hai đường thẳng AD và BC.



2. Cho hình vẽ sau.

a) Vì sao hai đường thẳng a và b song song với nhau?

b) Tính số đo góc BCD .

